

TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 6 tháng 10 năm 2025

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

- Căn cứ theo Hợp đồng số: 0610/HĐKT-TT ký ngày 6 tháng 10 năm 2025 giữa Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ với Công ty TNHH MTV trắc địa bản đồ về việc Thi công Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro
- Căn cứ vào yêu cầu của công việc

ĐIỀU 1: Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công Hợp đồng số: 0610/HĐKT-TT ký ngày 6 tháng 10 năm 2025.

ĐIỀU 2: Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm



GIÁM ĐỐC
TS. Lê Đức Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm 2026-2025

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A Đại học Mỏ - Địa chất

Xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên: Lê Đức Tình
2. Mã số thuế: 034078008123

Đơn vị chi trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 08 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2026

Với khoản thu nhập là: 153.000.000 đồng

5. Các khoản đã khấu trừ:

+ Thuế thu nhập cá nhân đã đóng: 0 đồng

6. Các khoản giảm trừ:

+ Bảo hiểm xã hội, các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự: đồng

+ Các khoản từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học: đồng

+ Giảm trừ gia cảnh: đồng

(Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã quyết toán thuế TNCN năm 2025 cho Lê Đức Tình theo tờ khai QT thuế TNCN mẫu 05/QT - TNCN)

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Đức Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm 2026-2025

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A Đại học Mỏ - Địa chất

Xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên: Trần Thùy Linh

2. Mã số thuế: 001187041257

Đơn vị chi trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 08 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2026
Với khoản thu nhập là: 39.000.000 đồng

5. Các khoản đã khấu trừ:

+ Thuế thu nhập cá nhân đã đóng: 0 đồng

6. Các khoản giảm trừ:

+ Bảo hiểm xã hội, các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự: đồng

+ Các khoản từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học: đồng

+ Giảm trừ gia cảnh: đồng

(Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã quyết toán thuế TNCN năm 2025 cho Trần Thùy Linh theo tờ khai QT thuế TNCN mẫu 05/QT-TNCN)

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Lê Đức Tình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm 2026-2025

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

Địa chỉ: Tầng 1 nhà A Đại học Mở - Địa chất

Xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên: Võ Ngọc Dũng

2. Mã số thuế: 040079010611

Đơn vị chi trả thu nhập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 08 năm 2025 đến 31 tháng 7 năm 2026

Với khoản thu nhập là: 85.000.000 đồng

5. Các khoản đã khấu trừ:

+ Thuế thu nhập cá nhân đã đóng: 0 đồng

6. Các khoản giảm trừ:

+ Bảo hiểm xã hội, các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự: đồng

+ Các khoản từ thiện, nhân đạo, quỹ khuyến học: đồng

+ Giảm trừ gia cảnh: đồng

(Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ đã quyết toán thuế TNCN năm 2025 cho Võ Ngọc Dũng theo tờ khai QT thuế TNCN mẫu 05/QT - TNCN)

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Lê Đức Tình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 0610/HĐKT-TT

Về việc: “Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro”

- Căn cứ Luật Dân sự số: 91/2015/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2015;

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ và năng lực của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ;

Hôm nay, ngày 06 tháng 10 năm 2025, tại Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Địa chỉ : Số 02/198 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (024) 37558003 Fax: (024) 37558093

Đại diện bởi : **Ông Phạm Ngọc Sơn** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Giấy ủy quyền số 1960/QĐ-CTy ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Công ty về việc ủy quyền ký kết các Hợp đồng kinh tế).

Tài khoản : 0511100028004 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội-Chi nhánh Điện Biên phủ, thành phố Hà Nội.

Mã số thuế : 0100107211

BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Địa chỉ : Tầng 1, nhà A, trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18 phố Viên, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024.37523819 Fax : 024.37523819

Tài khoản : 3100 211 000 206 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội.

Mã số thuế : 0100811629

Đại diện bởi : **Ông Lê Đức Tình** Chức vụ: **Giám đốc**

Trên cơ sở đàm phán, thương lượng các bên đồng ý ký kết Hợp đồng kinh tế với nội dung và điều khoản như sau:



Điều 1: Nội dung và khối lượng công việc:

Bên A giao Bên B thực hiện “Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro”.

(Chi tiết tại **Phụ lục 1** kèm theo)

Điều 2: Thời hạn thực hiện công việc nêu tại Điều 1: Kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày **31/12/2025**.

Điều 3: Yêu cầu kỹ thuật, sản phẩm giao nộp:

- Bên B thực hiện các nội dung công việc của Hợp đồng này theo đúng yêu cầu được hai bên thống nhất có **Phụ lục 2** kèm theo và các quy định hiện hành.

- Sản phẩm giao nộp cho Bên A. Bảng chuẩn hóa Exel chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro theo các giai đoạn của từng khu vực theo từng tỉnh đề Bên A chuyển công đoạn tiếp theo.

Điều 4: Giá trị Hợp đồng:

Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là: **1.175.363.000 đồng**

Số tiền bằng chữ: **Một tỷ, một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn** (chi tiết tại **Phụ lục 1** đính kèm).

Giá trị thanh lý và thanh toán được xác định trên cơ sở khối lượng công việc thi công thực tế được Bên A nghiệm thu.

Điều 5: Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Trong quá trình thi công theo tình hình thực tế Bên A tạm ứng cho Bên B không quá 30% giá trị hợp đồng.

Điều 6: Trách nhiệm của bên A:

1. Cung cấp cho Bên B dữ liệu và phạm vi thi công.
2. Cử cán bộ kỹ thuật phối hợp cùng Bên B giải quyết các vướng mắc khó khăn kịp thời trong quá trình thi công.
3. Giám sát đơn đốc, kiểm tra quá trình thi công và nghiệm thu chất lượng sản phẩm.
4. Tiếp nhận dữ liệu thực hiện các công việc tiếp theo.

Điều 7: Trách nhiệm bên B:

1. Bên B cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung đã nêu tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng này.

2. Đảm bảo đủ nhân lực, trang bị máy móc để thực hiện hợp đồng theo đúng tiến độ, đúng quy định, quy phạm hiện hành của Nhà nước và yêu cầu kỹ thuật của Bên A.

3. Chịu trách nhiệm về nơi ăn, ở, đảm bảo an toàn cho người lao động và trang thiết bị máy móc trong quá trình thực hiện hợp đồng.

4. Lập kế hoạch cụ thể về tiến độ thi công và báo cáo thường xuyên cho Bên A về tiến độ thực hiện công việc.

5. Chịu trách nhiệm về chất lượng tài liệu, đồng thời phải sửa chữa kịp thời các sai sót nhằm lẫn khi có ý kiến của Bên A.

6. Phải giao nộp toàn bộ tài liệu, số liệu khi giao nộp sản phẩm cho Bên A, mà không được lưu giữ tại Bên B.

7. Bên B có trách nhiệm sử dụng tài liệu được cung cấp đúng mục đích, không được phát tán và bàn giao lại cho bên A sau khi sử dụng kết thúc dự án, bảo đảm bí mật theo quy định của Pháp luật.

Điều 8: Xử phạt, chấm dứt Hợp đồng:

Bên A có thể đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi hoàn bất cứ khoản chi phí nào cho bên B, nếu bên B có vi phạm Hợp đồng ở một trong các trường hợp như sau:

1. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc thực hiện công việc không theo đúng yêu cầu kỹ thuật của bên A.

2. Bên B thực hiện công việc chậm tiến độ hoặc vi phạm các điều khoản của Hợp đồng đã bị bên A nhắc nhở đến lần thứ 3 bằng văn bản.

3. Bên B có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật, bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và kiến nghị cơ quan thanh tra, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Điều 9: Điều khoản thi hành:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì các bên tự bàn bạc giải quyết. Trong trường hợp các bên không đạt được sự thoả thuận chung thì các vướng mắc, mâu thuẫn,... sẽ được đưa ra trước Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Hà Nội để giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Lê Đức Tình

Phụ lục 01
DỰ TOÁN KINH PHÍ HỢP ĐỒNG
 (Kèm theo HĐKT số 0610/HĐKT-TT ngày 06/10/2025)

ĐVT: VND

TT	Nội dung công việc	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại nhóm đối tượng chuyên đề	195	Mảnh	1.674.306	326.489.670	
2	Kiểm tra, chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro (các biểu theo các giai đoạn)	195	Mảnh	3.906.715	761.809.425	
-	Tổng cộng trước thuế (1+2):				1.088.299.095	
-	Thuế VAT 8%				87.063.928	
-	Tổng cộng sau thuế (làm tròn):				1.175.363.000	

(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bảy mươi năm triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn)/.



(Kèm theo Hợp đồng số 06/10/HĐKT-TT ngày 06/10/2025)

1. Tiếp nhận và soát dữ liệu chuyên đề:

Dữ liệu chuyên đề Bên A tiếp nhận Chủ đầu tư cung cấp theo định dạng file*.xls. Cần tiến hành kiểm tra và soát nội dung cụ thể như sau:

- Hệ toạ độ: Kiểm tra toạ độ các trạm quan trắc được cung cấp phải trên cùng hệ toạ độ quốc gia VN-2000.
- Độ chính xác vị trí: Kiểm tra vị trí các điểm đất được cung cấp trên bình đồ ảnh vệ tinh và bản đồ tỷ lệ tương ứng có trùng khớp. Nếu các điểm đất không nằm đúng vị trí mô tả hoặc lệch ngoài phạm vi khu vực, cần biên tập chỉnh sửa để vị trí hiển thị trên bản đồ nằm đúng với vị trí chủ thích trong yêu cầu nhiệm vụ.
- Độ phân giải không gian: Kiểm tra sự phân bố của các trạm, tính khoảng cách trung bình giữa các trạm. Lựa chọn trạm phù hợp so với vị trí điểm đất.
- Tính đầy đủ và logic của dữ liệu: Kiểm tra rà soát lỗi như trùng trạm, thiếu toạ độ, lỗi định dạng số, chuẩn hoá tên điểm đất, đánh giá so sánh tránh sai số thô theo thời gian và theo không gian, biên tập các file có cùng định dạng dữ liệu.

2. Các bước chính xây dựng dữ liệu chuyên đề:

- Xác định phạm vi và mục tiêu nghiên cứu: Theo yêu cầu của nhiệm vụ trong Hợp đồng.
- Phân tích kịch bản biến đổi khí hậu: Sử dụng các kịch bản được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố để có thêm thông tin tham chiếu về công tác dự báo yếu tố khí hậu. Xác định các hiểm hoạ cần quan tâm, phân tích các xu hướng thay đổi và tần suất của các hiện tượng đó.
- Đánh giá tính dễ bị tổn thương: đánh giá thông qua các yếu tố: Mức độ nhạy cảm (Sensitivity) và năng lực thích ứng (Adaptive Capacity). Xây dựng các bộ chỉ số cần quan tâm phục vụ trình bày trên bản đồ chuyên đề (E là chỉ số mức độ phơi bày; V là chỉ số tính dễ bị tổn thương; H là chỉ số hiểm hoạ và R là chỉ số rủi ro). Đề xuất các giải pháp phù hợp đối với thông tin trình bày trên bản đồ chuyên đề.

2. Chuẩn hoá dữ liệu chuyên đề:

Chuẩn hoá dữ liệu chuyên đề theo yêu cầu của từng giai đoạn và tỷ lệ bản đồ tương ứng (tỷ lệ 1:25.000, tỷ lệ 1:50.000, tỷ lệ 1:100.000,...).

- Biên tập vị trí điểm đất, dữ liệu thông tin chuyên đề bằng phần mềm ArcGIS.

- Số liệu quan trắc từ các trạm khí tượng trung bình các năm 2004-2023.
- Số liệu dự báo trung bình theo các kịch bản biến đổi khí hậu (2004-2023, 2024-2044, 2044-2099).

- Chuẩn hoá dữ liệu biểu đồ (E; V; H; R) tính toán theo TT01/2022/TT-BTNMT (nay Bộ NNMT) áp dụng theo các khuyến cáo và hướng dẫn từ báo cáo đánh giá lần thứ 5 (năm 2014) của Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu. Trong đó:

+ Đánh giá tác động, rủi ro do BĐKH: Quy định về việc đánh giá tác động và phương pháp luận.

+ Thẩm định kết quả, xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả báo cáo.

- Lựa chọn phương pháp nội suy mô hình số dạng raster từ dữ liệu quan trắc dạng điểm bằng các thuật toán phù hợp nhất (Spline, Kriging, IDW...). Khoảng phân cấp giá trị là 0,2 đối với các cấp dự báo rủi ro và biến đổi: rất thấp, thấp, trung bình, cao, rất cao.

- Tạo và biên tập thành lập biểu đồ chuyên đề biến đổi khí hậu: biểu đồ theo các giai đoạn thời gian nghiên cứu, biểu đồ theo nhóm đối tượng chuyên đề: kho vũ khí đạn dược, kho vật liệu nổ, kho xăng dầu, cảng quân sự.

- Tạo metadata cho bản đồ chuyên đề.

3. Một số quy định chung:

Tuân thủ theo các văn bản sau:

- Quyết định số 35/QĐ-TTg ngày 11/03/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục bí mật Nhà nước trong lĩnh vực Quốc phòng.

- Thông tư 166/2020/TT-BQP ngày 25/12/2020 của Bộ Quốc phòng về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong Bộ Quốc phòng.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin an ninh mạng tuân thủ nghiêm các quy định trong Thông tư số 56/2020/TT-BQP ngày 06/06/2020 của BQP quy định quản lý và đảm bảo an toàn thông tin an ninh mạng trong Bộ Quốc Phòng.



Phụ lục 03

DANH SÁCH NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

(Kèm theo Hợp đồng số 0610/HĐKT-TT ngày 06/10/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa – Bản đồ)

STT	Họ và tên	Chức danh nhân sự dự kiến
1	Lê Đức Tình	Chủ nhiệm công trình
2	Võ Ngọc Dũng	Chuyên gia kỹ thuật
3	Trần Thùy Linh	Chuyên gia kỹ thuật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM

Về việc: “Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro”

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 0610/2025/HĐKT-TT, ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro”;

Căn cứ các biên bản, bàn giao sản phẩm hoàn thành;

- Đại diện Bên A: Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ.
- Đại diện Bên B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ.

- Các bên tiến hành nghiệm thu:

Đại diện Bên A: Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Ông: Phạm Ngọc Sơn | - Chức vụ: Phó Giám đốc; |
| - Ông: Phạm Trọng Hải | - Chức vụ: Phó phòng KHTH; |
| - Ông: Hoàng Dương Huân | - Chức vụ: Phó phòng KCS. |

Đại diện Bên B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ.

- | | |
|---------------------|----------------------------|
| - Ông: Lê Đức Tình | - Chức vụ: Giám đốc; |
| - Ông: Võ Ngọc Dũng | - Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật |

Các bên lập biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng về việc “Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro”; thực hiện ở tỷ lệ bản đồ 1/25.000, 1:50.000 đến tháng /2025 như sau:

1. Công tác thi công, kiểm tra nghiệm thu các hạng mục công việc hoàn thành:

Sản phẩm Chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề cao, thấp, trung bình, mùa mưa, mùa khô và rủi ro thực hiện đảm bảo theo QCVN 71: 2022/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý Quốc gia; Yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 02 của Hợp đồng và các văn bản hướng dẫn của Bên A.

2. Các bên đã xem xét các văn bản và các sản phẩm sau đây

a) Các văn bản trong quá trình triển khai thi công công trình:



- Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công.
- Báo cáo kiểm tra, chất lượng khối lượng công trình sản phẩm của đơn vị
- b) Khối lượng, loại khó khăn của hạng mục công việc đã kiểm tra tính đến

/2025 như sau:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng Hợp đồng		Khối lượng nghiệm thu đề nghị thanh toán		Chất lượng
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	
1	Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại nhóm đối tượng chuyên đề	Mảnh		195		195	Đạt yêu cầu
2	Kiểm tra, chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro (các biểu theo các giai đoạn)	Mảnh		195		195	Đạt yêu cầu

3. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu kiểm tra, nghiệm thu, các bên xác nhận những điểm sau đây:

a) Về thời gian thực hiện công trình:

Bắt đầu từ tháng 10 /2025 đến tháng 11 /2025.

b) Về khối lượng đã hoàn thành: *nêu cụ thể tên các hạng mục công việc nếu không thay đổi (như bảng tại mục 2.b)*

c) Về chất lượng: Đạt yêu cầu.

d) Sản phẩm giao nộp: Đảm bảo theo quy định.

d. Mức độ khó khăn: Theo thực tế thi công được hai bên nghiệm thu.

e) Về những thay đổi trong quá trình thi công so với hợp đồng: không.

4. Kết luận:

Chấp nhận chất lượng, khối lượng sản phẩm hoàn thành “Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro”.

Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Ngọc Sơn

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Lê Đức Tình



BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số: 0610/HĐKT-TT ngày 06/10/2025 về việc: Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại, chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính để bị tổn thương, rủi ro.

Đại diện Bên A: Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ.

Đại diện Bên B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ.

Thanh toán: Lần thứ 01.

Căn cứ xác định: Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm ngày 29/11/2025

ĐVT: VND

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khó khăn	Khối lượng				Đơn giá	Thành tiền (đồng)				Ghi chú
				Theo hợp đồng	Thực hiện				Theo Hợp đồng	Thực hiện			
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	
1	Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại nhóm đối tượng chuyên đề	Mảnh		195		195	195	1.674.306	326.489.670		326.489.670	326.489.670	
2	Kiểm tra, chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính để bị tổn thương, rủi ro (các biểu theo các giai đoạn)	Mảnh		195		195	195	3.906.715	761.809.425		761.809.425	761.809.425	
-	Tổng giá trị trước thuế:								1.088.299.095		1.088.299.095	1.088.299.095	
-	Thuế VAT 8%								87.063.928		87.063.928	87.063.928	
-	Tổng giá trị sau thuế (làm tròn):								1.175.363.000		1.175.363.000	1.175.363.000	

1. Giá trị Hợp đồng:

1.175.363.000 đồng
2. Giá trị tạm ứng theo Hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

352.000.000 đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

0 đồng
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

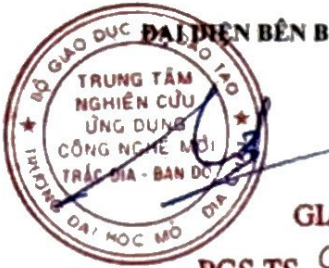
1.175.363.000 đồng
5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

352.000.000 đồng
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

823.363.000 đồng

Số tiền bằng chữ: (Tám trăm hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn)/.

7. Lũy kế giá trị thanh toán:



GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Lê Đức Bình

đồng
Hà Nội, Ngày 29 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN BÊN A



Phạm Ngọc Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 0610/2025/HĐKT-TT

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 0610/2025/HĐKT-TT, ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro”;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình sản phẩm hoàn thành và bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành về việc: “Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại nhóm đối tượng; Chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề cao, thấp, trung bình, mùa mưa, mùa khô và rủi ro”.

Hôm nay, ngày 29 tháng 11 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

- Địa chỉ : Số 2/198 đường Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại : 024.3755 8092 - Fax : 024.3755 8093

- Tài khoản : 0511100028004 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ, thành phố Hà Nội.

- Mã số thuế : 0100107211

- Đại diện là ông: **Phạm Ngọc Sơn** - Chức vụ: Phó Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 1960/QĐ-CTy ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Công ty về việc ủy quyền ký kết các Hợp đồng kinh tế).

BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Địa chỉ : Tầng 1, nhà A, trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18 phố Viên, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024.37523819 Fax : 024.37523819

Tài khoản : 3100 211 000 206 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội.

Mã số thuế : 0100811629

Đại diện bởi : **Ông Lê Đức Tình** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai bên thống nhất ký Biên bản thanh lý Hợp đồng kinh tế số 0610/2025/HĐKT-TT ký ngày 06 tháng 10 năm 2025 giữa Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ với các điều khoản sau:

Điều 1. Kết quả thực hiện hợp đồng:

Bên B đã thực hiện đầy đủ các nội dung công việc của Hợp đồng số: 0610/2025/HĐKT-TT ký ngày 06 tháng 10 năm 2025 giữa Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ theo đúng tiến độ. Toàn bộ sản phẩm được nghiệm thu, bàn giao đạt yêu cầu (Chi tiết sản phẩm hoàn thành tại Phụ lục đính kèm Biên bản thanh lý hợp đồng này).

Điều 2. Giá trị thanh lý: 1.175.363.000 đồng.

(Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bảy mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn)/.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

- Bên A đã thanh toán tạm ứng cho Bên B số tiền: **352.000.000 đồng.**
- Số tiền còn lại Bên A phải thanh toán cho Bên B: **823.363.000 đồng.**
- Trong khoảng thời gian 07 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được hồ sơ thanh toán theo quy định, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B giá trị còn lại tương ứng với số tiền là: **823.363.000 đồng** (Tám trăm hai mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn./).

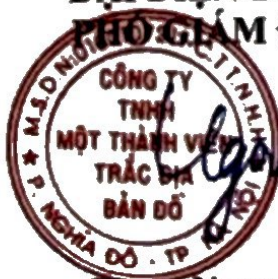
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 3. Điều khoản chung:

1. Hai bên thống nhất các điều khoản thanh lý hợp đồng nêu trên.
2. Hợp đồng số 0610/2025/HĐKT-TT ký ngày 06 tháng 10 năm 2025 giữa Công ty TNHH MTV Trắc địa bản đồ và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ sẽ hết hiệu lực sau khi Bên A thanh toán đầy đủ cho Bên B số tiền tại Điều 2 của Biên bản thanh lý hợp đồng này.

Biên bản Thanh lý Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Lê Đức Tinh

Phụ lục
BẢNG XÁC ĐỊNH THANH LÝ GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH
(Kèm theo Biên bản thanh lý Hợp đồng số 0610/2025/HĐKT-TT)

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại nhóm đối tượng chuyên đề	Mảnh	195	1.674.306	326.489.670
2	Kiểm tra, chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương, rủi ro (các biểu theo các giai đoạn)	Mảnh	195	3.906.715	761.809.425
-	Tổng giá trị trước thuế:				1.088.299.095
-	Thuế VAT 8%				87.063.928
-	Tổng giá trị sau thuế (làm tròn):				1.175.363.000

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): **1C25TTD**
Số (No.): **18**

Ngày (date) 30 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã của cơ quan thuế: 007A3C8473C5954A26837A4FDA613D6825

Đơn vị bán hàng (Seller): **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ**

Mã số thuế (Tax code): **0100811629**

Địa chỉ (Address): Tầng 1, nhà A, Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, Phường Đồng Ngạc, Thành phố Hà Nội

Số tài khoản (A/C No): 3100211000206 Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Từ Liêm

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Địa chỉ (Address): Số 2 ngõ 198 đường Trần Cung, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0100107211

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Căn cước công dân (Identity card):

Mã đơn vị quan hệ ngân sách (Budget Unit code):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền chưa thuế GTGT (Amount before VAT)	Thuế suất (VAT rate)	Tiền thuế (VAT amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7
1	Tiếp nhận dữ liệu chuyên đề, rà soát, phân loại; chuẩn hóa dữ liệu chuyên đề phân cấp tính dễ bị tổn thương rủi ro. (Theo Hợp đồng số 0610/HĐKT-TT).				1.088.299.074	8%	87.063.926
Tổng hợp (Summary)		Thuế suất (VAT rate)	Tổng tiền chưa thuế (Amount before VAT)		Tổng tiền thuế (VAT amount)	Giá trị thanh toán (Total amount)	
Tổng tiền chịu thuế suất (Total amount) :		8%	1.088.299.074		87.063.926	1.175.363.000	
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			1.088.299.074		87.063.926	1.175.363.000	
Tổng số tiền viết bằng chữ : Một tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng							

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG
NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Ngày ký: 30/11/2025 10:06 AM

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.com.vn/> - Mã tra cứu: 4CB80694

(Không tạo từ Phần mềm M-INVOICE - CÔNG TY TNHH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ M-INVOICE - MST: 0106026495 - Hotline: 0901 80 16 18)